TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HOÀNG MAI** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10/01/2025
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Th

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim D
2. Bà Trần Thị M

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn T – Thư ký Tòa án
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Y – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025 trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 847/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc:*Tranh chấp ly hôn*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2024/QĐXX-ST ngày 26 tháng 12 năm 2024; Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh A - Sinh năm 1991
Nơi thường trú: Thôn V, xã C, huyện G, thành phố Hà Nội.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Thế H – sinh năm 1985
Nơi thường trú: TT Bệnh viện Y- Số H, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Chị Minh A, anh H có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh A và anh Nguyễn Thế H kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 19/3/2019 tại UBND xã C, huyện G, thành phố Hà Nội.

Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống ở nhà bố mẹ đẻ chị A tại địa chỉ thôn V, xã C, huyện G, thành phố Hà Nội. Vợ chồng sống hòa thuận chỉ được 02 tháng đầu, đến tháng 5/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm lối sống và sự khác biệt về tính cách quá lớn giữa hai vợ chồng khiến cho cuộc hôn nhân hết sức nặng nề, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên ngày càng xa cách. Mặc dù đã nhiều lần vợ chồng nói chuyện với nhau, cố gắng dung hoà mối quan hệ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn. Vì vậy đến tháng 5/2020 anh H chuyển về nhà bố mẹ ở và vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị A và anh H không có con chung.

- Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị A và anh H không có tài sản chung và cũng không có các khoản nợ chung.

*** Anh Nguyễn Thế H trình bày**:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thế H xác nhận anh và chị Nguyễn Thị Minh A tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 19/3/2019 tại UBND xã C, huyện G, thành phố Hà Nội.

Sau khi kết hôn do bất đồng quan điểm lối sống nên vợ chồng thường xuyên to tiếng cãi vã làm cho không khí gia đình luôn căng thẳng, mặc dù sống cùng một nhà nhưng mỗi người một phòng. Đến khoảng tháng 5 năm 2020 anh H chuyển về nhà bố mẹ ở TT Bệnh viện Y học dân tộc N5 số 8, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội, khi chuyển về anh H có nói chuyện để đưa chị A cùng về nhưng chị A dứt khoát không đi và vợ chồng tiếp tục sống ly thân mỗi người một nơi từ đó đến nay. Trong khoảng thời gian đầu sống ly thân có vài lần anh H gọi điện thuyết phục chị A để vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng chị A vẫn không chịu, thời gian gần đây hai bên cắt đứt liên lạc hoàn toàn, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị A có yêu cầu ly hôn, anh H cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, nhưng anh H cho rằng anh là người tu đạo, có những bài dạy đạo đức về cuộc sống hôn nhân nên hai vợ chồng đã kết hôn rồi thì phải nhẫn nhịn bỏ qua cho nhau để tiếp tục cuộc sống nên không đồng ý ly hôn.Trường hợp chị A vẫn kiên quyết ly hôn anh đề nghị Toà án căn cứ giải quyết theo quy định.

- Về con chung: Anh H và chị A không có con chung.

- Về tài sản chung: Anh H và chị A không có tài sản chung.

- Về vay nợ chung: Anh H và chị A không có các khoản nợ chung.

* Tại phiên tòa: Chị A, anh H đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị A giữ nguyên yêu cầu ly hôn, anh H đề nghị Toà án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Chị A, anh H xác nhận không có con chung.

Về tài sản chung + các khoản nợ chung: Chị A, anh H xác nhận không có.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của HĐXX và những người tham gia tố tụng:

Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai thụ lý đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Minh A với anh Nguyễn Thế H hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ quyền hạn quy định tại Điều 48, Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Chương XIV về phiên tòa sơ thẩm của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/UBNTQH quy định về án phí lệ phí năm 2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh A. Xử cho chị Nguyễn Thị Minh A được ly hôn với anh Nguyễn Thế H.

Về con chung: Chị A, anh H đều xác nhận không có nên không đề nghị HĐXX xét.

Về tài sản chung + về các khoản nợ chung: Chị A, anh H đều xác nhận không có nên không đề nghị HĐXX xét.

Về án phí: Chị Minh A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa; Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh A có đơn xin ly hôn đối với anh Nguyễn Thế H có nơi thường trú và nơi cư trú tại quận H, thành phố Hà Nội. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Chị Nguyễn Thị Minh A và anh Nguyễn Thế H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 19/3/2019 tại UBND xã C, huyện G, thành phố Hà Nội.

Ngay sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm về tính cách, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Đến tháng 5/2020 anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị A có yêu cầu ly hôn, anh H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc hôn nhân khó có thể hàn gắn. Tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn vì lý do bản thân anh là người tu đạo, có những bài dạy đạo đức về cuộc sống hôn nhân nên hai vợ chồng đã kết hôn rồi thì phải nhẫn nhịn bỏ qua cho nhau để tiếp tục cuộc sống cùng nhau.

Xét thấy cuộc hôn nhân muốn có hạnh phúc phải được xây dựng từ hai phía, vợ chồng phải chung sống cùng nhau, quan tâm và thương yêu chăm sóc nhau. Chị A và anh H đã có thời gian dài sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài nhiều năm, anh chị đều không có phương án hàn gắn mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được; lý do anh H không đồng ý ly hôn là không chính đáng. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị A là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

Về con chung: Chị A và anh H xác định không có con chung.

Về tài sản chung + về các khoản nợ chung: Chị A và anh H xác định không có tài sản chung, không có các khoản nợ chung.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Minh A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh A

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh A được ly hôn với anh Nguyễn Thế H.

2. Về con chung: Không có.

3.Về tài sản chung (động sản + bất động sản): Không có.

4.Về các khoản nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Minh A đã nộp theo biên lai thu tiền số 0034284 ngày 02/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Chị A đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Minh A và anh Nguyễn Thế H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND quận Hoàng Mai
- Những người TGTT
- Thi hành án DS quận HM
- UBND xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.
- Lưu hồ sơ
- Lưu văn phòng.
-…..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hồng Th